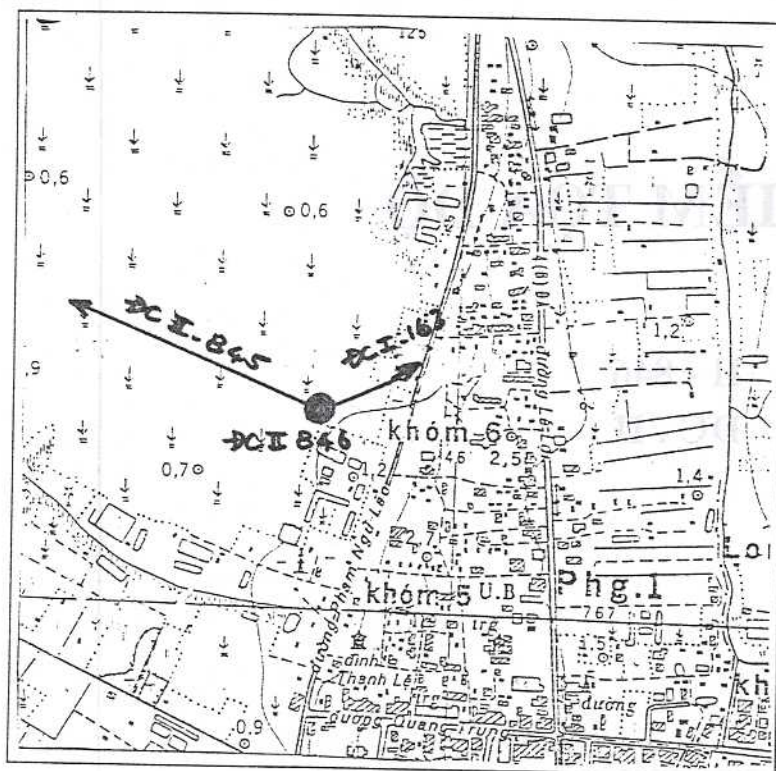


GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : II - 846 Mảnh bản đồ : C - 48 - 81 - B
 Phương pháp đo : Đường chuyền Cấp, hạng : ĐC. II
 Trị giá khái lược : Độ cao : 1 m Kinh độ : $106^{\circ}20'3$
 Loại đất : Đất công Chất đất : Thít Vĩ độ : $9^{\circ}56'8$
 Nơi đặt mốc : Khóm 4 Phường : 1
 Thị xã : Trà Vinh Tỉnh : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Khóm 4, Phường 1 Khoảng cách tới điểm : Tại điểm
 Người chọn : Dương Văn Thịnh Đơn vị chọn : XN Trắc địa 301 - XNLH Trắc địa bản đồ số 3
 Ngày 23 tháng 10 năm 1995

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10.000

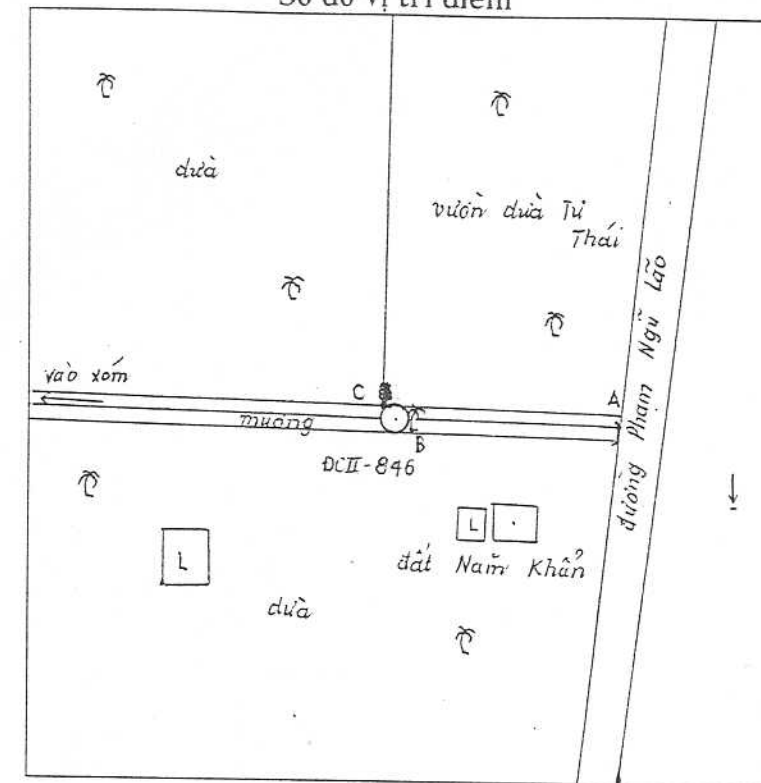
Số liệu đo mốc (mm)

Từ ván dọi điểm đến :	Lần 1	Lần 2	TB	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hố				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Điểm thông hướng
 (Tên, số hiệu, cấp hạng
 điểm liên quan mà từ mặt
 đất điểm trạm đo thông suốt
 tới điểm liên quan)
 Điểm :
 DCI - 163
 DCII - 845

Họ, tên, địa chỉ người
 dẫn đường :
 Ông Năm Khẩn
 Khóm : 4
 Phường : 1
 Thị xã : Trà Vinh
 Tỉnh : Trà Vinh

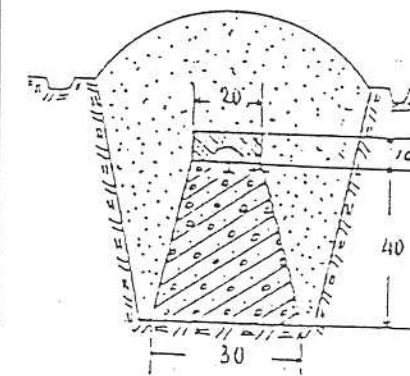
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ : 1/2000

Đơn vị chôn mốc :
 XN Trắc địa 301

Người chôn mốc :
 Dương Văn Thịnh
 Loại mốc : Mốc chôn một tầng
 Ngày 24 tháng 10 năm 1995
 Hình vẽ mặt cắt mốc
 (Đơn vị cm)



V/v	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Mép cống	Hướng Đông 55.8 m
B	Cây dừa	Hướng Đông Nam 5.2 m
C	Cây công	Hướng Tây Bắc 4.5 m

Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc.

Tên điểm :

Số hiệu :

Cấp, hạng :

Điểm này đo nối độ cao bằng : Đo cao lượng giác

Cấp, hạng : Kỹ thuật

Đường đi đến điểm : (Đường ô tô, sắt, thủy, số Km) :

Từ bến xe Thị xã Trà Vinh đi theo đường Phạm Ngũ Lão khoảng 2,5 Km là đến điểm.

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm :

Ngày 25 tháng 12 năm 1995

Người làm ghi chú điểm

Nguyễn Viết Trục

Ngày 05 tháng 01 năm 1996

Người kiểm tra

Đỗ Phi Hạnh

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

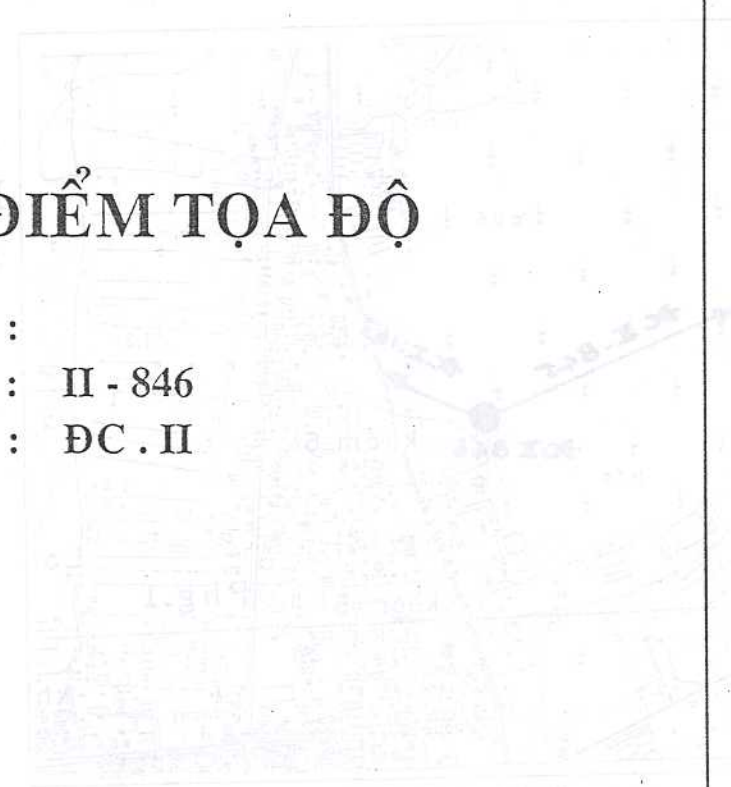
TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

VT độ : 50° 12'
Kính độ : 106° 12'
Cấp, hạng : ĐC. II
Hình bản đồ : C. 106.12.12

Ngày 12 tháng 10 năm 1995
Người lập bản đồ : Đ. 106.12.12
Người kiểm tra : Đ. 106.12.12
Người phê duyệt : Đ. 106.12.12

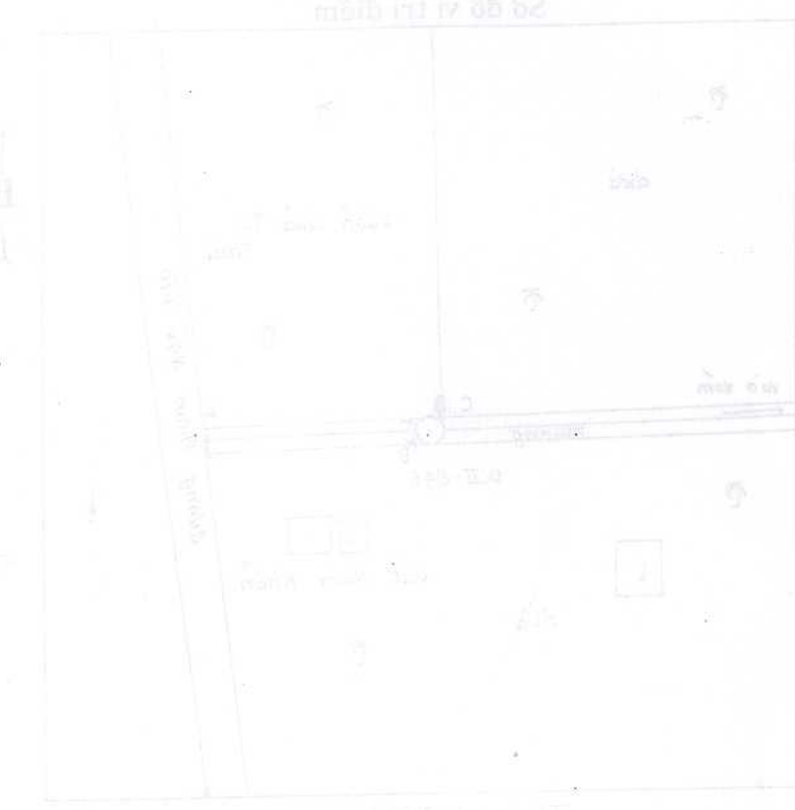
GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : II - 846
CẤP, HẠNG : ĐC. II



NĂM 1995

Số đo vĩ trí điểm



Tên điểm

Hình vẽ mặt cắt ngang
Ngày 24 tháng 10 năm 1995
Loại mặt : Mặt cắt ngang
Người lập bản đồ : Đ. 106.12.12
Người kiểm tra : Đ. 106.12.12
Người phê duyệt : Đ. 106.12.12



VT	Tên điểm	Điểm này do nối độ của hạng : ĐC. II
A	Mặt cắt ngang	Điểm này do nối độ của hạng : ĐC. II
B	Cấp, hạng	Điểm này do nối độ của hạng : ĐC. II
C	Cấp, hạng	Điểm này do nối độ của hạng : ĐC. II

Biên bản : Tán đồng việc lập bản đồ địa điểm
Tên điểm : Đ. 106.12.12
Điểm này do nối độ của hạng : ĐC. II
Đường đi đến điểm : (Đường đi từ điểm Đ. 106.12.12 đến điểm Đ. 106.12.12)
Tổ bản vẽ : Tán đồng việc lập bản đồ địa điểm
Cụ thể : Tán đồng việc lập bản đồ địa điểm
Ngày 12 tháng 10 năm 1995
Người lập bản đồ : Đ. 106.12.12
Người kiểm tra : Đ. 106.12.12
Người phê duyệt : Đ. 106.12.12